TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **100**/2019/DS-ST
Ngày: 04/07/2019.
V/v tranh chấp: hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Bé
2. Ông Nguyễn Văn Thành

***Thư ký phiên tòa*:** bà Phan Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây: không tham gia phiên tòa

Trong ngày 04 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2018/TLST-DS ngày 14/12/2018 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐST-DS ngày 27/05/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-DS ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NGUYỄN VĂN T – sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

2. Bị đơn: TRẦN HOÀNG L – sinh năm 1980;

TRẦN THỊ KIM X - sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: PHẠM THỊ L - sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

(Ông T có mặt, anh L, bà L xin vắng mặt, chị X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: ngày 19/4/2018 vợ chồng ông có ký hợp đồng tín dụng số 521.0197/2018/HĐTD-CN/PGBankLA với ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex chi nhánh L An thế chấp 4

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: quyền sử dụng đất số AL 192508 diện tích 1.952,1m^2, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 13; quyền sử dụng đất số AL 182511, diện tích 1.668,5m^2, thửa đất số 249, tờ bản đồ số 12; quyền sử dụng đất số AL 182510 diện tích 2.729,4m^2, thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13; quyền sử dụng đất số AL 182509 diện tích 844,4m^2 thửa đất số 250, tờ bản đồ số 12. Các thửa đất trên tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Để vay số tiền là 1.400.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 8%/ năm, thời hạn vay là 12 tháng. Ngày 20/4/2018 tại Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex chi nhánh L An vợ chồng ông cho chị Trần Thị Kim X vay số tiền 1.400.000.000 đồng và chị X cam kết trả lãi thay cho ông với ngân hàng thông qua tài khoản vay của ông. Chị X hứa sau hai tháng sẽ trả lại tiền cho gia đình ông để chuộc 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông đã thế chấp tại Ngân hàng. Tuy nhiên đến nay đã qua thời hạn 02 tháng kể từ ngày 01/9/2018 mà chị X vẫn chưa trả tiền cho ông, mặc dù ông đã nhiều lần nhắc nhở. Nay ông yêu cầu anh L và chị X L đới trả ông số tiền 1.400.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Trần Thị Kim X đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho chị X nhưng chị X không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn anh Trần Hoàng L trình bày: ông T là người quen của gia đình vợ anh là chị Trần Thị Kim X, ông T kiện vợ chồng anh vay của ông T số tiền 1.400.000.000 đồng, nhưng anh không biết số tiền nêu trên vì anh và chị X đã ly hôn trước đó còn số tiền đó anh hoàn toàn không biết đến, và chữ ký trong hợp đồng cũng không phải là của anh vì anh chưa từng vay tiền gì của ông T. Nay anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Phạm Thị L trình bày: bà là vợ ông Nguyễn Văn T, trước đây vợ chồng bà có cho chị Trần Thị Kim X vay số tiền 1.400.000.000 đồng, khi cho vay tiền bà và ông T đều thống nhất và ký tên trong biên nhận cho vay. Nay chị X vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền mà vợ chồng bà cho vay nên ông T là chồng bà có nộp đơn khởi kiện đòi tiền vay đối với chị X. Nay bà thống nhất ủy quyền để ông T đứng đơn khởi kiện và cam kết không tranh chấp khiếu nại gì đối với ông T.

Tại phiên Tòa hôm nay

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu chị Trần Thị Kim X trả lại số tiền vay là 1.400.000.000 đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với anh Trần Hoàng L, ông T rút yêu cầu không yêu cầu anh L L đới với chị X trả số tiền 1.400.000.000 đồng.

Bị đơn chị Trần Thị Kim X vắng mặt

Bị đơn anh Trần Hoàng L xin vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: bà Phạm Thị L xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1] Xét bị đơn chị Trần Thị Kim X đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị X vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt chị X.

[2] Xét bị đơn anh Trần Hoàng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh L, bà L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T là có cơ sở: vì ông T có cho chị Trần Thị Kim X vay số tiền 1.400.000.000 đồng vào ngày 20/4/2018, thời hạn vay là 2 tháng. Nhưng đến hạn chị X không trả tiền cho ông T, nên ông T có yêu cầu tổ hòa giải ấp B giải quyết. Tại cuộc hòa giải ngày 01/9/2018 chị X thừa nhận còn nợ ông T số tiền 1.400.000.000 đồng và hứa từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/11/2018 sẽ trả lại tiền cho ông T và chị X cũng viết tờ cam kết cho ông T ngày 01/9/2018. Nhưng đến nay chị X vẫn không trả cho ông T số tiền nào. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông T cung cấp biên bản hòa giải thành ngày 01/9/2018 của tổ hòa giải ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang và tờ cam kết ngày 01/9/2018 có chữ viết và chữ ký của chị X. Do đó có đủ cơ sở để xác định giữa giữa ông T và chị X đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, phía chị X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên cần buộc chị X có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 1.400.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời gian trả: ông T yêu cầu trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền này chị X để kéo dài không trả cho ông T đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T, nên cần buộc chị X trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Đối với anh Trần Hoàng L, tại đơn khởi kiện ông T cho rằng anh L có ký vào chứng thư bảo lãnh ngày 19/4/2018 nên ông khởi kiện anh L L đới với chị X trả lại ông số tiền 1.400.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông T xác định ông không chứng kiến anh L có ký tên vào chứng thư bảo lãnh này, nên ông rút yêu cầu khởi kiện đối với anh L. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của ông T.

[7] Đối với bà Phạm Thị L là vợ ông T, bà cho rằng hai vợ chồng bà cho chị X vay số tiền 1.400.000.000 đồng. Nay bà thống nhất để ông T kiện chị X số tiền 1.400.000.000 đồng, bà không khiếu nại hay tranh chấp gì với ông T. Do đó Hội đồng xét xử buộc chị X trả tiền cho ông T, nếu sau này giữa ông T và bà L có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều Điều 175, 179, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 275, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T

Buộc chị Trần Thị Kim X có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vay là **1.400.000.000** đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu anh Trần Hoàng L L đới với chị Trần Thị Kim Xuyên trả lại ông số tiền 1.400.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Chị Trần Thị Kim X phải chịu **54.000.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Báo nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh